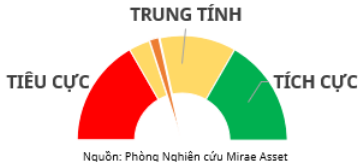


22 Tháng 04, 2025

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

## Tổng quan thị trường

|           | Thị giá   | 1D (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|-----------|-----------|--------|--------|--------|
| VN INDEX  | 1,197.13  | -0.8   | -9.4   | 0.6    |
| HNX       | 207.71    | -1.8   | -15.5  | -7.8   |
| UPCOM     | 89.67     | -1.4   | -9.7   | 1.9    |
| MSCI EM   | 1,071.95  | 0.3    | -5.3   | 5.9    |
| NIKKEI    | 34,220.60 | -0.2   | -9.2   | -8.6   |
| HANG SENG | 21,562.32 | 0.8    | -9.0   | 30.6   |
| KOSPI     | 2,486.64  | -0.1   | -5.9   | -5.4   |
| FTSE      | 8,290.15  | 0.2    | -4.1   | 3.3    |
| S&P 500   | 5,158.20  | -2.4   | -9.0   | 2.9    |
| NASDAQ    | 15,870.90 | -2.6   | -10.8  | 2.7    |

## Định giá thị trường

|             | P/E (x) | P/B (x) | ROE (%) |
|-------------|---------|---------|---------|
| Việt Nam    | 13.4    | 1.6     | 12.8    |
| Indonesia   | 15.1    | 1.8     | 12.5    |
| Philippines | 10.9    | 1.3     | 12.1    |
| Malaysia    | 14.1    | 1.4     | 9.9     |
| Thái Lan    | 15.0    | 1.1     | 6.9     |

## Lãi suất tham chiếu

|             | Thị giá | 1D (bps) | 1M (bps) | 1Y (bps) |
|-------------|---------|----------|----------|----------|
| Tái cấp vốn | 4.5     | 0        | 0        | 0        |
| TPCP 5 năm  | 2.4     | 1        | 10       | 27       |
| TPCP 10 năm | 3.0     | 0        | 8        | 22       |

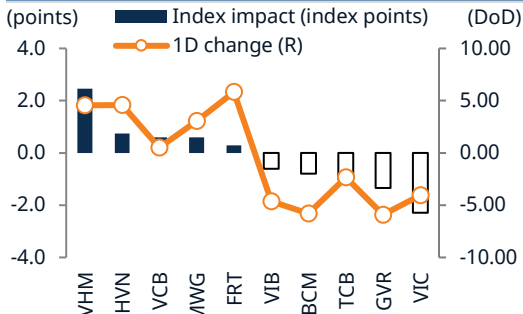
## Tỷ giá ngoại hối

|          | Thị giá | 1D (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|----------|---------|--------|--------|--------|
| US\$/VND | 25,932  | 0.1    | 1.1    | 2.0    |
| US\$/KRW | 1,425.4 | 0.3    | -3.0   | 3.3    |
| US\$/JPY | 140.54  | -0.2   | -6.7   | -9.2   |
| US\$/EUR | 0.8695  | 0.1    | -6.1   | -7.4   |
| US\$/GBP | 0.7471  | 0.0    | -3.5   | -7.7   |
| US\$/SGD | 1.3066  | 0.2    | -2.4   | -4.1   |

## Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

|          | Gần nhất | TB 1 tháng | TB 6 tháng |
|----------|----------|------------|------------|
| VN-INDEX | 1,316    | 797        | 550        |
| HNX      | 74       | 45         | 34         |
| UPCOM    | 33       | 27         | 26         |

## Các cổ phiếu tác động VN-Index



## Nhận định thị trường

### Lật ngược thế cờ

VN-Index có phiên giao dịch đầy kịch tính, ảnh hưởng từ đà giảm của chứng khoán Mỹ, trong bối cảnh thuế quan phức tạp. Nếu ảm đạm và thận trọng miêu tả tâm lý phiên sáng, thì phiên chiều thị trường bất ngờ lao dốc mạnh, có thời điểm mất hơn 60 điểm. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy quay lại mạnh mẽ, giúp chỉ số đảo chiều ngoạn mục, lấy lại khoảng 50 điểm. Kết phiên, VN-Index chỉ còn giảm 9,94 điểm, tương đương 0,82%. Tổng khối lượng giao dịch tăng hơn 93% so với phiên trước, thanh khoản bùng nổ đạt 34.119 tỷ đồng về giá trị.

Độ rộng thị trường nghiêng về số mã giảm với 400 mã, 132 mã tăng và 46 mã đứng giá. Nhóm bán lẻ tạo điểm sáng, MWG, FRT, MSN đều đóng cửa với sắc xanh. Ngoài ra, một vài cổ phiếu nhóm ngân hàng cũng lấy lại được đà tăng, trong đó SHB là cổ phiếu ngược dòng từ mức sàn về tham chiếu, thanh khoản ghi nhận ở mức kỷ lục, cao nhất từ khi niêm yết với hơn 222 triệu cổ phiếu khớp lệnh. Ở chiều ngược lại, nhiều nhóm ngành tác động tiêu cực lên chỉ số, điển hình VIC, GVR, TCB, BCM, BSR, ... thuộc top cổ phiếu tác động tiêu cực nhất đến chỉ số phiên nay.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 3 liên tiếp, với giá trị tăng dần. Phiên nay, khối này mua ròng 520 tỷ đồng trên sàn HSX. Tập trung mua ròng các mã: HPG (+213 tỷ), MWG (+183 tỷ), STB (+170 tỷ), ... Ngược lại, tập trung bán ròng: FPT (-123 tỷ), KBC (-104 tỷ), VNM (-60 tỷ), ...

Phiên giao dịch giảm điểm kèm thanh khoản tăng khiến điểm số kỹ thuật ngắn hạn theo thang điểm của chúng tôi giảm từ mức 0 về mức -2 (Trung Tính). Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 13.4x.

**Trần Ngọc Thúy Vy**, Analyst, 84-8-39102222, [vy.tnt@miraeasset.com.vn](mailto:vy.tnt@miraeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

| Mã                 | Điểm kỹ thuật | Xu hướng ngắn hạn |
|--------------------|---------------|-------------------|
| VNINDEX            | -2            | TRUNG TÍNH        |
| VN30               | 0             | TRUNG TÍNH        |
| VN30F1M            | 2             | TRUNG TÍNH        |
| VN DIAMOND         | 1             | TRUNG TÍNH        |
| VN FIN SELECT      | -1            | TRUNG TÍNH        |
| Shanghai Composite | 5             | <b>KHẢ QUAN</b>   |
| Kospi              | 4             | <b>KHẢ QUAN</b>   |
| Nikkei 225         | 4             | <b>KHẢ QUAN</b>   |
| FTSE 100 (EU)      | 3             | TRUNG TÍNH        |
| Dow Jones          | -2            | TRUNG TÍNH        |

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin thị trường

## Phân tích kỹ thuật

| Chỉ số        | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái |
|---------------|-------------------------------------------|------------|
| VNINDEX       | -2                                        | TRUNG TÍNH |
| VN30          | 0                                         | TRUNG TÍNH |
| VN30F1M       | 2                                         | TRUNG TÍNH |
| VN DIAMOND    | 1                                         | TRUNG TÍNH |
| VN FIN SELECT | -1                                        | TRUNG TÍNH |

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

| Chỉ tiêu VN-Index                | Chỉ tiêu | Điểm số                 |
|----------------------------------|----------|-------------------------|
| Đóng cửa (22/04/2025)            | 1.197    | Kháng cự 1 <b>1.250</b> |
| Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)   | Giảm     | Kháng cự 2 <b>1.270</b> |
| Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng) | Đi ngang | Hỗ trợ 1 <b>1.200</b>   |
| Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)  | Đi ngang | Hỗ trợ 2 <b>1.180</b>   |

VN-Index thu hẹp đà giảm, tiệm cận về mốc 1.200 điểm.

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

## CẬP NHẬT PHÁI SINH

| Chỉ tiêu                             |              | Chỉ tiêu   | Điểm số      |
|--------------------------------------|--------------|------------|--------------|
| VN30F1M - đóng cửa (22/04/2025)      | 1.292        | Kháng cự 1 | <b>1.320</b> |
| Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)       | TRUNG TÍNH   | Kháng cự 2 | <b>1.360</b> |
| VN30 - đóng cửa                      | 1.290        | Hỗ trợ 1   | <b>1.260</b> |
| Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b> | <b>+1,62</b> | Hỗ trợ 2   | <b>1.230</b> |

| Chỉ số                  | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái |
|-------------------------|-------------------------------------------|------------|
| VN30F1M (chart 15 phút) | 3                                         | TRUNG TÍNH |
| VN30F1M (chart 60 phút) | 1                                         | TRUNG TÍNH |
| VN30F1M                 | 2                                         | TRUNG TÍNH |

VN30F1M kết phiên tăng điểm, độ lệch so với VN30 đạt +1,62 điểm.

## Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

| Mã  | Ngành        | Giá đóng cửa | KLTB 20 ngày | Điểm sức mạnh giá (*) | Điểm kỹ thuật ngắn hạn | Sức mạnh ngành (**) |
|-----|--------------|--------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|
| NVL | Bất động sản | 10,650       | 12,538,350   | 98                    | 5                      | Top sức mạnh ngành  |
| SHB | Ngân hàng    | 13,200       | 74,177,888   | 97                    | 4                      |                     |

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

| Mã (đơn vị) | Đóng cửa (kvnd) | KLTB 20N   | Điểm kỹ thuật (*) | Xu hướng SMG ngắn hạn | Vốn hóa (tỷ đồng) | P/E (lần) | P/BV (lần) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|-----------------|------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------|------------|----------------|
| STB         | 40.65           | 22,298,756 | 7                 | KHẢ QUAN              | 76,634            | 7.6       | 1.4        | 906            |
| VSC         | 18.3            | 2,382,475  | 7                 | KHẢ QUAN              | 5,481             | 15.1      | 1.2        | 44             |
| SBT         | 16.9            | 2,983,505  | 6                 | KHẢ QUAN              | 13,766            | 20.3      | 1.4        | 50             |
| VRE         | 20.6            | 17,581,436 | 5                 | KHẢ QUAN              | 46,810            | 11.4      | 1.1        | 362            |
| NVL         | 10.65           | 12,538,350 | 5                 | KHẢ QUAN              | 20,769            | #N/A N/A  | 0.5        | 134            |
| MWG         | 57.3            | 9,829,900  | 5                 | KHẢ QUAN              | 83,743            | 22.5      | 3.0        | 563            |
| SHB         | 13.2            | 74,177,888 | 4                 | KHẢ QUAN              | 53,661            | 5.7       | 0.9        | 979            |
| MBB         | 23.1            | 34,170,028 | 4                 | KHẢ QUAN              | 140,962           | 6.2       | 1.3        | 789            |
| TPB         | 13.4            | 18,836,520 | 4                 | KHẢ QUAN              | 35,402            | 5.8       | 0.9        | 252            |
| SHS         | 14.2            | 16,612,075 | 4                 | KHẢ QUAN              | 11,547            | 12.5      | 1.0        | 236            |
| EIB         | 18.4            | 11,406,990 | 4                 | KHẢ QUAN              | 34,274            | 10.3      | 1.4        | 210            |
| TCH         | 16.75           | 10,275,040 | 4                 | KHẢ QUAN              | 11,193            | 11.4      | 1.2        | 172            |
| EVF         | 9.15            | 10,191,375 | 4                 | KHẢ QUAN              | 6,959             | 10.9      | 0.8        | 93             |
| FPT         | 110.4           | 9,645,975  | 4                 | KHẢ QUAN              | 162,406           | 20.6      | 5.5        | 1,065          |
| VIB         | 17.5            | 9,633,480  | 4                 | KHẢ QUAN              | 52,135            | 7.3       | 1.2        | 169            |
| PVS         | 26.5            | 5,277,730  | 4                 | KHẢ QUAN              | 12,666            | 11.8      | 0.9        | 140            |
| HNG         | 6.3             | 3,937,310  | 4                 | KHẢ QUAN              | 6,984             | #N/A N/A  | 4.3        | 25             |
| HVN         | 31.9            | 3,811,845  | 4                 | KHẢ QUAN              | 70,639            | 9.3       | #N/A N/A   | 122            |
| MST         | 5.7             | 2,646,570  | 4                 | KHẢ QUAN              | 433               | 20.5      | 0.5        | 15             |
| DCM         | 30.75           | 2,625,660  | 4                 | KHẢ QUAN              | 16,279            | 12.8      | 1.6        | 81             |
| DL1         | 6.8             | 2,592,740  | 4                 | KHẢ QUAN              | 722               | 481.6     | 0.6        | 18             |
| DGC         | 88.2            | 2,546,380  | 4                 | KHẢ QUAN              | 33,496            | 11.4      | 2.4        | 225            |
| GMD         | 46.8            | 2,515,250  | 4                 | KHẢ QUAN              | 19,665            | 15.2      | 1.6        | 118            |
| PVT         | 20.6            | 2,466,695  | 4                 | KHẢ QUAN              | 7,334             | 6.7       | 1.0        | 51             |
| VOS         | 13.5            | 1,694,780  | 4                 | KHẢ QUAN              | 1,890             | 5.6       | 1.0        | 23             |
| HAH         | 60.4            | 2,807,675  | 3                 | TRUNG TÍNH            | 7,846             | 11.9      | 2.2        | 170            |
| HPG         | 25.05           | 36,687,688 | 2                 | TRUNG TÍNH            | 160,226           | 13.3      | 1.4        | 919            |
| VND         | 15              | 26,678,200 | 2                 | TRUNG TÍNH            | 22,834            | 14.6      | 1.2        | 400            |
| GEX         | 26.3            | 17,999,224 | 2                 | TRUNG TÍNH            | 22,603            | 12.8      | 1.6        | 473            |
| DXG         | 14              | 14,995,440 | 2                 | TRUNG TÍNH            | 12,192            | 40.9      | 1.0        | 210            |
| VHM         | 57.5            | 12,472,970 | 2                 | TRUNG TÍNH            | 236,176           | 7.8       | 1.2        | 717            |
| VCG         | 21.7            | 12,331,760 | 2                 | TRUNG TÍNH            | 12,989            | 14.2      | 1.6        | 268            |

|     |       |            |    |            |         |          |          |     |
|-----|-------|------------|----|------------|---------|----------|----------|-----|
| POW | 11.85 | 11,792,045 | 2  | TRUNG TÍNH | 27,751  | 22.2     | 0.9      | 140 |
| DBC | 27.05 | 8,367,095  | 2  | TRUNG TÍNH | 9,053   | 6.7      | 1.3      | 226 |
| HHV | 11.7  | 7,120,855  | 2  | TRUNG TÍNH | 5,057   | 11.7     | 0.5      | 83  |
| HHS | 11    | 6,966,110  | 2  | TRUNG TÍNH | 4,048   | 11.0     | 0.8      | 77  |
| MSN | 58.7  | 6,761,010  | 2  | TRUNG TÍNH | 84,431  | 43.5     | 2.8      | 397 |
| VNM | 56    | 5,957,670  | 2  | TRUNG TÍNH | 117,038 | 13.9     | 3.6      | 334 |
| KLF | 0.8   | 4,014,340  | 2  | TRUNG TÍNH | #VALUE! | #N/A N/A | #N/A N/A | 3   |
| LPB | 33.25 | 3,482,460  | 2  | TRUNG TÍNH | 99,327  | 10.0     | 2.2      | 116 |
| YEG | 11    | 2,903,550  | 2  | TRUNG TÍNH | 2,110   | 13.0     | 1.1      | 32  |
| HPX | 4.03  | 2,734,935  | 2  | TRUNG TÍNH | 1,226   | 21.7     | 0.4      | 11  |
| DPM | 32    | 2,663,570  | 2  | TRUNG TÍNH | 12,523  | 26.1     | 1.1      | 85  |
| HDG | 22.5  | 2,565,325  | 2  | TRUNG TÍNH | 7,567   | 13.1     | 1.2      | 58  |
| DDV | 19.8  | 2,426,665  | 2  | TRUNG TÍNH | 2,893   | 17.2     | 1.6      | 48  |
| NTL | 13.6  | 2,136,935  | 2  | TRUNG TÍNH | 1,659   | 2.7      | 0.9      | 29  |
| LCG | 9     | 2,080,115  | 2  | TRUNG TÍNH | 1,738   | 13.0     | 0.7      | 19  |
| AMV | 2     | 1,921,680  | 2  | TRUNG TÍNH | 262     | 58.1     | 0.2      | 4   |
| PNJ | 67.1  | 1,772,815  | 2  | TRUNG TÍNH | 22,673  | 10.7     | 2.0      | 119 |
| VIX | 12.2  | 51,762,096 | 0  | TRUNG TÍNH | 17,794  | 19.1     | 1.1      | 631 |
| VPB | 16.6  | 22,353,490 | 0  | TRUNG TÍNH | 131,703 | 8.3      | 0.9      | 371 |
| ACB | 24.1  | 18,280,940 | 0  | TRUNG TÍNH | 107,646 | 6.4      | 1.3      | 441 |
| HDB | 20.3  | 11,724,085 | 0  | TRUNG TÍNH | 70,950  | 5.5      | 1.3      | 238 |
| VCI | 35.8  | 11,075,485 | 0  | TRUNG TÍNH | 25,708  | 82.2     | 2.0      | 397 |
| CTG | 37.1  | 9,940,470  | 0  | TRUNG TÍNH | 199,227 | 7.9      | 1.4      | 369 |
| ORS | 7.45  | 9,105,510  | 0  | TRUNG TÍNH | 2,503   | 6.2      | 0.6      | 68  |
| CEO | 12.2  | 8,322,365  | 0  | TRUNG TÍNH | 6,593   | 34.7     | 1.1      | 102 |
| HAG | 11.85 | 7,809,765  | 0  | TRUNG TÍNH | 12,530  | 11.2     | 1.4      | 93  |
| BID | 35.1  | 3,553,970  | 0  | TRUNG TÍNH | 246,450 | 9.6      | 1.7      | 125 |
| PC1 | 20.5  | 1,872,275  | 0  | TRUNG TÍNH | 7,332   | 17.4     | 1.3      | 38  |
| LDG | 1.78  | 1,842,825  | 0  | TRUNG TÍNH | 456     | #N/A N/A | 0.3      | 3   |
| SAB | 46.6  | 1,788,325  | 0  | TRUNG TÍNH | 59,767  | 13.9     | 2.6      | 83  |
| TCB | 25.15 | 22,601,270 | -2 | TRUNG TÍNH | 177,681 | 8.3      | 1.2      | 568 |
| KBC | 21.35 | 11,070,150 | -2 | TRUNG TÍNH | 16,388  | 38.5     | 0.9      | 236 |
| FLC | 3.57  | 8,630,840  | -2 | TRUNG TÍNH | #VALUE! | #N/A N/A | #N/A N/A | 31  |
| MBS | 26    | 5,480,125  | -2 | TRUNG TÍNH | 14,892  | 17.2     | 2.2      | 142 |
| VCB | 58.5  | 4,017,345  | -2 | TRUNG TÍNH | 488,807 | 14.4     | 2.5      | 235 |
| KDH | 26.2  | 3,840,185  | -2 | TRUNG TÍNH | 26,492  | 33.2     | 1.5      | 101 |
| IJC | 11.1  | 2,879,190  | -2 | TRUNG TÍNH | 4,193   | 12.2     | 0.8      | 32  |
| DLG | 1.99  | 2,822,035  | -2 | TRUNG TÍNH | 596     | 2.8      | 1.0      | 6   |
| MSR | 15.4  | 2,525,195  | -2 | TRUNG TÍNH | 16,927  | #N/A N/A | 1.3      | 39  |
| IDC | 34.8  | 2,459,375  | -2 | TRUNG TÍNH | 11,484  | 5.8      | 2.0      | 86  |
| NRC | 3.9   | 2,050,540  | -3 | TRUNG TÍNH | 361     | #N/A N/A | 0.3      | 8   |
| SSI | 22.25 | 32,079,170 | -4 | TIÊU CỰC   | 43,652  | 14.7     | 1.6      | 714 |
| VIC | 59    | 9,865,850  | -4 | TIÊU CỰC   | 225,596 | 18.4     | 1.6      | 582 |
| CII | 11.55 | 9,250,015  | -4 | TIÊU CỰC   | 6,329   | 16.0     | 0.6      | 107 |
| PDR | 15.3  | 7,521,025  | -4 | TIÊU CỰC   | 13,359  | 83.6     | 1.2      | 115 |
| PVD | 16.9  | 4,802,240  | -4 | TIÊU CỰC   | 9,394   | 13.7     | 0.6      | 81  |
| SCR | 5.39  | 3,141,530  | -4 | TIÊU CỰC   | 2,321   | 749.3    | 0.4      | 17  |
| FIT | 4.17  | 3,093,830  | -4 | TIÊU CỰC   | 1,418   | 11.8     | 0.4      | 13  |

|     |       |            |    |          |         |          |          |     |
|-----|-------|------------|----|----------|---------|----------|----------|-----|
| HAI | 1.58  | 2,614,585  | -4 | TIÊU CỰC | #VALUE! | #N/A N/A | #N/A N/A | 4   |
| AAA | 6.57  | 2,504,465  | -4 | TIÊU CỰC | 2,512   | 6.9      | 0.5      | 16  |
| KSB | 14.35 | 1,670,790  | -4 | TIÊU CỰC | 1,642   | 35.2     | 0.6      | 24  |
| BCG | 2.85  | 10,996,000 | -5 | TIÊU CỰC | 2,509   | 5.5      | 0.3      | 31  |
| FTS | 35.5  | 4,748,200  | -5 | TIÊU CỰC | 10,860  | 19.5     | 2.6      | 169 |
| SZC | 28    | 2,281,385  | -5 | TIÊU CỰC | 5,040   | 13.5     | 1.6      | 64  |
| AMD | 1.11  | 2,146,020  | -5 | TIÊU CỰC | #VALUE! | #N/A N/A | #N/A N/A | 2   |
| HUT | 12.1  | 1,878,220  | -5 | TIÊU CỰC | 10,799  | 69.1     | 1.3      | 23  |
| HCM | 24.6  | 15,282,470 | -6 | TIÊU CỰC | 17,711  | 17.7     | 1.7      | 376 |
| HQC | 2.84  | 5,873,350  | -6 | TIÊU CỰC | 1,638   | 52.3     | 0.3      | 17  |
| HDC | 21    | 5,800,535  | -6 | TIÊU CỰC | 3,745   | 57.6     | 1.7      | 122 |
| NLG | 26.7  | 3,724,930  | -6 | TIÊU CỰC | 10,282  | 20.8     | 1.1      | 99  |
| BSR | 15    | 3,348,675  | -6 | TIÊU CỰC | 46,507  | 73.5     | 0.8      | 50  |
| DIG | 14.2  | 13,937,865 | -7 | TIÊU CỰC | 8,660   | 75.6     | 1.1      | 198 |
| NKG | 11.3  | 8,276,020  | -7 | TIÊU CỰC | 5,058   | 8.4      | 0.7      | 94  |
| HSG | 12.5  | 6,945,640  | -7 | TIÊU CỰC | 7,762   | 13.4     | 0.7      | 87  |
| GVR | 22.3  | 4,295,670  | -7 | TIÊU CỰC | 89,200  | 21.2     | 1.7      | 96  |
| TIG | 6.1   | 2,443,905  | -7 | TIÊU CỰC | 1,181   | 8.3      | 0.7      | 15  |
| VPI | 52    | 1,872,105  | -7 | TIÊU CỰC | 16,643  | 47.3     | 3.4      | 97  |

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin thị trường

### Thông tin cập nhật

#### Vàng thế giới tiến sát mốc 3,500 USD

Tính tới lúc 11h38 ngày 22/04 (giờ Việt Nam), hợp đồng vàng tương lai tăng thêm 67 USD (tương đương 1.95%) lên 3,492 USD.

Trong ngày 21/04, Tổng thống Trump đã gia tăng áp lực lên Chủ tịch Fed Jerome Powell, gọi ông Powell là “kẻ thua cuộc” và yêu cầu ngân hàng trung ương hạ lãi suất ngay bây giờ. Ông Trump cho biết vào ngày 17/04 rằng “việc sa thải ông Powell không thể để chậm trễ hơn được nữa”, sau khi Chủ tịch Fed cảnh báo rằng chính sách thuế quan của ông Trump có thể sẽ làm tăng lạm phát trong ngắn hạn. Các cố vấn Nhà Trắng tiết lộ ông Trump đang xem xét liệu có thể sa thải ông Powell hay không.

Bước đe dọa mới của ông Trump lại thêm một nỗi lo khác vào tâm trí nhà đầu tư vốn đã quay cuồng trong “cơn bão” thuế quan do chính ông Trump khởi xướng. Ngoài ra, vàng đã tăng mạnh trong năm nay khi niềm tin vào Mỹ giảm và các ngân hàng trung ương tăng cường mua kim loại quý.

*Nguồn: vietstock.vn*

#### Mỹ áp thuế pin mặt trời từ Việt Nam và ba nước Đông Nam Á lên đến 3.521%

Hôm 21/4, Mỹ thông báo sẽ áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp lên đến 3.521% đối với tấm pin năng lượng mặt trời từ 4 quốc gia Đông Nam Á. Các mức thuế này là kết quả từ cuộc điều tra thương mại kéo dài một năm qua.

Cuộc điều tra phát hiện các nhà sản xuất năng lượng mặt trời ở Campuchia, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam đã hưởng lợi không công bằng từ các khoản trợ cấp của chính phủ và bán hàng sang Mỹ với mức giá thấp hơn chi phí sản xuất.

Theo hãng tin Bloomberg, cuộc điều tra kể trên do các nhà sản xuất năng lượng mặt trời tại Mỹ đề xuất và do chính quyền cựu Tổng thống Joe Biden khởi xướng. Các mức thuế mới sẽ áp dụng cùng với thuế quan đối ứng mà Tổng thống Donald Trump áp đặt hồi đầu tháng 4. Động thái mới mang đến một chiến thắng cho các nhà sản xuất tại Mỹ, đơn cử như Hanwha Q Cells và First Solar.

Song, thuế quan mới cũng làm tăng thêm khó khăn cho các nhà phát triển năng lượng tái tạo vốn từ lâu đã phụ thuộc vào nguồn cung ứng giá rẻ từ nước ngoài. Chưa kể, môi trường chính sách và chính trị tại Washington cũng gây ra bất ổn lớn cho lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Theo Bộ Thương mại Mỹ, pin mặt trời nhập khẩu từ Campuchia sẽ chịu thuế suất lên đến 3.521%, phản ánh quyết định ngừng tham gia vào cuộc điều tra của quốc gia Đông Nam Á này. Các công ty không được nêu tên tại Việt Nam chịu mức thuế lên tới 385,9%, trong khi các công ty không được nêu tên tại Thái Lan đối mặt mức thuế 375,2%. Mức thuế đối với Malaysia là 34,4%.

*Nguồn: vietnambiz.vn*

#### Tiêu thụ thép quý I tăng trưởng mạnh, lực đỡ chính đến từ nội địa

Ngành thép bất ngờ bứt tốc trong tháng 3, kéo theo kết quả chung trong quý I khởi sắc. Theo số liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), bán hàng thép thành phẩm trong tháng 3 tăng 26% lên 3 triệu tấn.

Trong đó, thép cán nóng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất với 48%, tiếp đến là thép xây dựng. Đây là một trong những tháng hiếm hoi kể từ năm ngoái đến nay ghi nhận

việc bán hàng tăng trưởng hai con số trong bối cảnh nhu cầu thị trường nội địa yếu và thương mại bất ổn.

Tính chung trong quý I, các doanh nghiệp đã tiêu thụ được 7,5 triệu tấn tăng 12% so với cùng kỳ. Sản lượng trong quý I đạt hơn 7,46 triệu tấn tăng 6%. Như vậy, trong quý I, các nhà máy không những tiêu thụ hết số lượng thép đã sản xuất mà còn dùng cả lượng hàng tồn kho từ trước đó.

Thị trường nội địa vẫn đang thể hiện tốt vai trò làm trụ đỡ cho các doanh nghiệp thép. Điều này thể hiện qua việc mặc dù xuất khẩu giảm mạnh tới 37% trong quý I nhưng kết quả bán hàng chung vẫn tăng trưởng mạnh. Trong đó, xuất khẩu thép cán nóng giảm tới 74% xuống còn hơn 198.000 tấn. Tỷ trọng xuất khẩu trong cơ cấu bán hàng ở mức 19%, giảm mạnh so với 34% của cùng kỳ năm ngoái.

*Nguồn: vietnambiz.vn*

### **FPT: nhượng 40% công ty AI tại Nhật, bắt tay 2 tập đoàn lớn**

FPT vừa công bố hợp tác chiến lược với 2 tập đoàn lớn của Nhật Bản là Sumitomo và SBI Holdings trong lĩnh vực AI. Hai đối tác Nhật sẽ đầu tư tổng cộng 40% vào công ty FPT Smart Cloud Japan, đơn vị trực thuộc FPT.

Ngày 22/04, FPT công bố hợp tác chiến lược với Tập đoàn Sumitomo và Tập đoàn SBI Holdings - 2 doanh nghiệp hàng đầu tại Nhật Bản trong lĩnh vực công nghiệp và tài chính - nhằm thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tại Nhật thông qua hệ sinh thái sản phẩm của FPT AI Factory.

Theo thỏa thuận, Sumitomo và SBI Holdings sẽ lần lượt đầu tư 20% và 20% vào công ty FPT Smart Cloud Japan - đơn vị trực thuộc FPT hoạt động trong lĩnh vực AI và điện toán đám mây tại Nhật Bản.

Hợp tác này được kỳ vọng mở rộng phạm vi ứng dụng AI trong nhiều lĩnh vực đời sống, hướng tới mục tiêu hỗ trợ Nhật Bản xây dựng năng lực AI có chủ quyền. Các bên sẽ đồng hành xây dựng hệ sinh thái AI và Cloud đạt chuẩn quốc tế, phù hợp với yêu cầu đặc thù của thị trường Nhật.

FPT đặt mục tiêu đưa AI trở nên dễ tiếp cận và triển khai cho mọi tổ chức, cá nhân. FPT AI Factory cung cấp hạ tầng gồm hàng nghìn chip GPU, các mô hình và công cụ triển khai đóng gói sẵn, kết hợp với kinh nghiệm tại Nhật và mạng lưới từ các đối tác chiến lược.

*Nguồn: vietstock.vn*

### **GELEX: Lợi nhuận quý 1/2025 tăng 68% so với cùng kỳ**

GELEX vừa công bố báo cáo tài chính quý 1/2025 với nhiều chỉ số tài chính ấn tượng. Theo đó, doanh thu thuần hợp nhất đạt 7,916 tỷ đồng, tăng 18.9%. Trong đó, lĩnh vực thiết bị điện ghi nhận doanh thu 5,108 tỷ đồng, tăng trưởng 41.7%. Vật liệu xây dựng đạt doanh thu 1,425 tỷ đồng, tăng 0.6%. Lĩnh vực khu công nghiệp và bất động sản, hạ tầng tiện ích đạt doanh số lần lượt 1,164 tỷ đồng và 184 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ.

Động lực tăng trưởng của GELEX đến từ sự bứt phá của lĩnh vực thiết bị điện khi đóng góp 64.5% vào doanh thu thuần cả Tập đoàn. Đáng chú ý, lợi nhuận gộp tăng trưởng mạnh 33.2% lên mức 1,598 tỷ đồng, đẩy biên lợi nhuận gộp đạt 20.2% so với mức 18% cùng kỳ.

GELEX đã kiểm soát tốt các chi phí tài chính, quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng trong quý, góp phần tăng hiệu quả Doanh nghiệp.

Kết thúc quý 1/2025, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của GELEX cán mốc 646 tỷ đồng, tăng 67.8% so với cùng kỳ. Với kết quả tích cực này, Tập đoàn GELEX đã hoàn thành 21.1% kế hoạch doanh thu và 21.2% kế hoạch lợi nhuận năm 2025. Trước đó, ĐHĐCĐ đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 với mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất 37,600 tỷ đồng, tăng 11.4%; lợi nhuận trước thuế ở mức 3,041 tỷ đồng.

*Nguồn: vietstock.vn*

### **DGC: báo lãi quý 1 tăng 27% khi nhà đầu tư ngoại thoái lui**

Làn sóng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục quét qua thị trường chứng khoán Việt trong gần 4 tháng đầu năm, ngay cả những công ty có kết quả kinh doanh khả quan cũng không ngoại lệ. Cổ phiếu DGC đã mất 25% giá trị trong thời gian ngắn.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất vừa công bố, doanh thu quý 1/2025 của Tập đoàn Hóa Chất Đức Giang (HOSE: DGC) đạt 2.81 ngàn tỷ đồng, tăng gần 18% so với cùng kỳ năm trước, nhờ các dòng sản phẩm kinh doanh đều tăng trưởng 2 chữ số.

Cụ thể, doanh thu phân bón các loại tăng 19%, doanh thu DAP tăng 37%, doanh thu bột giặt và chất tẩy rửa tăng gần 15%, doanh thu phốt pho vàng và H3PO4 tăng 13%.

Biên lợi nhuận gộp của Đức Giang trong quý 1/2025 cũng mở rộng lên mức 34.9% so với mức 32.1% cùng kỳ. Công ty kiểm soát tốt chi phí, nhờ đó ghi nhận lãi ròng gần 978 tỷ đồng trong quý đầu năm nay, tăng trưởng 27%. Trong quý 1, Đức Giang có lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh gần 346 tỷ đồng và chi xấp xỉ 95 tỷ đồng cho việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định, tài sản dài hạn khác.

*Nguồn: vietstock.vn*

### **HAX: sắp chia cổ tức 1,000 đồng/cp**

Ngày 21/04, HĐQT Haxaco công bố Nghị quyết về việc trả cổ tức tiền mặt cho năm 2024 với tỷ lệ 10%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 08/05 và ngày thanh toán dự kiến 15/05. Cổ đông sẽ nhận được 1,000 đồng trên mỗi cổ phần sở hữu.

Mặc dù tỷ lệ chia cổ tức không quá cao, Haxaco là doanh nghiệp phân phối lợi nhuận bằng tiền đều đặn cho cổ đông mỗi năm kể từ 2017 đến nay.

Nhà phân phối xe này kinh doanh khó khăn trong năm 2023 khi xe sang Mercedes khó bán vì tình hình kinh tế chững lại, trước khi chứng kiến sự hồi phục cả doanh thu và lợi nhuận trong năm 2024 nhờ đẩy mạnh phân phối xe hơi bình dân Trung Quốc. Tuy vậy, một phần đáng kể lợi nhuận được chia cho các cổ đông không kiểm soát - những người nắm lợi ích lớn tại các công ty thành viên.

Trong đó, 1 công ty con chủ chốt của Haxaco là PTM đã ký hợp tác chiến lược với SAIC Motor Việt Nam (chủ quản thương hiệu xe MG) vào tháng 10/2024. Tuy vậy, cổ phần của Haxaco tại PTM liên tục được giảm từ 98.3% xuống còn 51.6% trước khi việc kinh doanh xe MG bùng nổ.

*Nguồn: vietstock.vn*

### **TPS: Lỗ tự doanh và chi phí lãi vay tăng mạnh, lần đầu báo lỗ sau 9 quý**

Kết thúc quý 1/2025, CTCP Chứng khoán Tiên Phong (TPS, HOSE: ORS) lỗ ròng hơn 7 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước có lãi hơn 75 tỷ đồng. Lần gần nhất TPS báo lỗ là từ quý 4/2022.

Mảng tự doanh của TPS lỗ hơn 23 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước có lãi hơn 183 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty chỉ ghi nhận hơn 50 tỷ đồng lãi bán các tài sản tài chính FVTPL, giảm 66% so với cùng kỳ, do giảm lãi bán trái phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu niêm yết. Trong khi đó, Công ty lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL gần 171 tỷ đồng, nặng hơn khoản lỗ khoảng 93 tỷ đồng của cùng kỳ, chủ yếu do lỗ bán cổ phiếu niêm yết đột biến.

Ngoài ra, phần chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL dù tăng từ gần 81 tỷ đồng lên gần 127 tỷ đồng, nhưng chênh lệch giảm thậm chí tăng từ gần 10 tỷ đồng lên gần 81 tỷ đồng, qua đó tạo thêm sức ép lớn lên kết quả tự doanh.

Tại thời điểm cuối quý 1, quy mô tài sản tài chính FVTPL của TPS ở mức 3,118 tỷ đồng, giảm so với gần 3,772 tỷ đồng ở đầu năm. Cơ cấu tài sản cũng có sự thay đổi khi kênh chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu niêm yết giảm mạnh, ngược lại trái phiếu chưa niêm yết đột biến. Danh mục tự doanh cuối quý 1 của TPS không được nêu chi tiết trong báo cáo.

Xét theo số liệu vào thời điểm 31/12/2024, danh mục đầu tư cổ phiếu của TPS chủ yếu là HPG và VHC, còn lại là BCG, NLG, PNJ, tổng giá trị hợp lý hơn 478 tỷ đồng, trong đó các khoản đầu tư vào BCG tạm lỗ đến gần 70%. Chi phí tài chính quý 1 tăng 32% lên gần 153 tỷ đồng, toàn bộ là chi phí lãi vay. Điều này có thể được lý giải do Công ty vay nợ nhiều hơn, quy mô được đẩy lên gần 5,098 tỷ đồng, toàn bộ ở kỳ hạn ngắn, gấp 1.5 lần đầu năm, chủ yếu do phát sinh thêm dư nợ 2,000 tỷ đồng tại TPB và 300 tỷ đồng tại Shinhan Việt Nam.

*Nguồn: vietstock.vn*

#### **GVR: Tập đoàn Cao su Việt Nam đặt mục tiêu lợi nhuận 2025 đi ngang**

Theo báo cáo thường niên vừa công bố, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE: GVR) đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 2025 gần 30.5 ngàn tỷ đồng, tăng gần 6% so với năm trước, nhưng mục tiêu lợi nhuận sau thuế 4.78 ngàn tỷ đồng, giảm 1%.

Tập đoàn đang đầu tư sản xuất kinh doanh tại địa bàn trải rộng trên 34 tỉnh, thành phố trong nước và tại 2 nước Lào, Campuchia, với 115 công ty con và công ty liên kết, trong đó có 65 công ty trồng cao su, 12 công ty chế biến gỗ, 9 công ty phát triển khu công nghiệp, 9 công ty công nghiệp và dịch vụ, 20 công ty thuộc ngành khác; tạo việc làm cho hơn 81 ngàn lao động.

Các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt là cao su và hạ tầng khu công nghiệp. Năm 2024, khối cao su đạt doanh thu gần 24.6 ngàn tỷ đồng và lãi trước thuế hơn 4.72 ngàn tỷ đồng, lần lượt vượt 11% và 23% kế hoạch.

Tập đoàn thông qua các công ty trong hệ thống đã triển khai đầu tư 14 khu công nghiệp, với tổng diện tích 4.63 ngàn ha và tỷ lệ lấp đầy bình quân 82% đất thương phẩm. Các khu công nghiệp của GVR tập trung tại tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Gia Lai, Hải Dương và Tây Ninh.

Trong năm 2024, GVR đã thỏa thuận kế hoạch cho 9 khu công nghiệp trực thuộc, cho thuê mới được 61ha, bằng 25% kế hoạch năm. Doanh thu mảng này đạt 1.25 ngàn tỷ đồng và lãi trước thuế 710 tỷ đồng, lần lượt bằng 82% và 94% kế hoạch.

*Nguồn: vietstock.vn*

#### **LAS: Sản lượng tiêu thụ tăng, báo lợi nhuận quý 1 tăng mạnh**

Quý 1/2025, CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS) ghi nhận sản lượng tiêu thụ tăng mạnh, kéo lợi nhuận đi lên. Theo BCTC quý 1/2025, LAS đạt gần 1.59 ngàn

tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 10% so với cùng kỳ. Trừ đi giá vốn, lãi gộp đạt 244 tỷ đồng, tăng trưởng 63%. Biên lãi gộp cũng cải thiện mạnh từ 4% lên 15.4%.

Các khoản chi phí trong kỳ cũng tăng mạnh, như chi phí tài chính tăng 88% lên 7.4 tỷ đồng, chi phí bán hàng tăng 67% lên 61 tỷ đồng, hay chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 83% lên 91 tỷ đồng. Dù vậy, với lãi gộp tăng mạnh, Doanh nghiệp kết thúc quý 1 với lợi nhuận sau thuế 72 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ.

Giải trình, LAS cho biết sản lượng tiêu thụ phân bón trong kỳ tăng 8%, đẩy doanh thu đi lên. Với các khoản chi phí, do chú trọng hơn vào thị trường miền Nam, chi phí cước vận chuyển trong kỳ tăng. Đồng thời, việc phát triển sản phẩm mới để tăng năng lực cạnh tranh cũng khiến chi phí bán hàng tăng mạnh. Ngoài ra, chi phí bảo vệ môi trường, mua sắm thiết bị, sửa chữa văn phòng và sắp xếp lao động cũng đẩy chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao.

Theo tài liệu ĐHCĐ thường niên 2025 (tổ chức ngày 22/04), HĐQT LAS đề xuất kế hoạch 2025 lùi nhẹ, cụ thể doanh thu mục tiêu gần 3.55 ngàn tỷ đồng và lãi trước thuế 205 tỷ đồng, giảm tương ứng 1.5% và 5% so với năm trước. Nguyên nhân do dự báo tình hình thị trường phân bón thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Chiếu theo kế hoạch này, Doanh nghiệp đã thực hiện được gần 45% kế hoạch doanh thu và gần 44% mục tiêu lãi trước thuế 2025 chỉ sau 1 quý.

*Nguồn: vietstock.vn*

#### **VGC: Lợi nhuận quý 1 tăng 56%**

Nhờ mảng cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng tăng trưởng tốt, Viglacera mang về lợi nhuận quý đầu năm 2025 gần 321 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ; thực hiện được 24% mục tiêu lợi nhuận năm.

Tổng Công ty Viglacera - CTCP (HOSE: VGC) công bố BCTC hợp nhất quý 1/2025 với doanh thu thuần gần 2,855 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ. Trong đó, đóng góp lớn nhất đến từ mảng cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng hơn 1,221 tỷ đồng, tăng 13% và chiếm 43% doanh thu. Doanh thu tài chính gần 24 tỷ đồng, tăng 5%.

Điểm trừ là tổng chi phí tăng 15% lên gần 445 tỷ đồng, phần lớn là chi phí quản lý doanh nghiệp hơn 183 tỷ đồng và chi phí bán hàng hơn 173 tỷ đồng, tăng 29% và 10% so với cùng kỳ. Sau cùng, Viglacera vẫn lãi ròng gần 321 tỷ đồng, tăng 56%.

Dự báo 2025, VGC cho rằng kinh tế thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng do những biến động địa chính trị vẫn còn nhiều diễn biến khó lường. Các yếu tố như phát triển bền vững, công nghệ mới và nhu cầu công trình chống chịu thiên tai sẽ là xu hướng cho cả thị trường trong và ngoài nước.

Trên cơ sở đó, Viglacera đặt mục tiêu kinh doanh 2025 với doanh thu hợp nhất 14,437 tỷ đồng, lãi trước thuế 1,743 tỷ đồng, tăng lần lượt 21% và 7% so với năm trước đó. Công ty cũng dự chia cổ tức 2025 tỷ lệ 22%. Với kế hoạch này, Doanh nghiệp đã thực hiện được 20% cho chỉ tiêu doanh thu và 24% mục tiêu lợi nhuận sau 3 tháng đầu năm.

*Nguồn: vietstock.vn*

#### **SZC: Lợi nhuận quý 1 gần gấp đôi cùng kỳ, thực hiện 42% kế hoạch năm**

Quý đầu năm 2025, CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE: SZC) ghi nhận doanh thu thuần hơn 414 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 126 tỷ đồng, đều tăng 94% so với cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt nhờ nguồn thu từ cho thuê đất và phí quản lý hơn 394 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ, đây cũng là doanh thu chính của SZC.

Mặc dù tổng chi phí tăng cao lên hơn 39 tỷ đồng, hơn gấp đôi cùng kỳ, nhưng con số này không làm giảm đáng kể lợi nhuận gộp SZC mang về hơn 188 tỷ đồng.

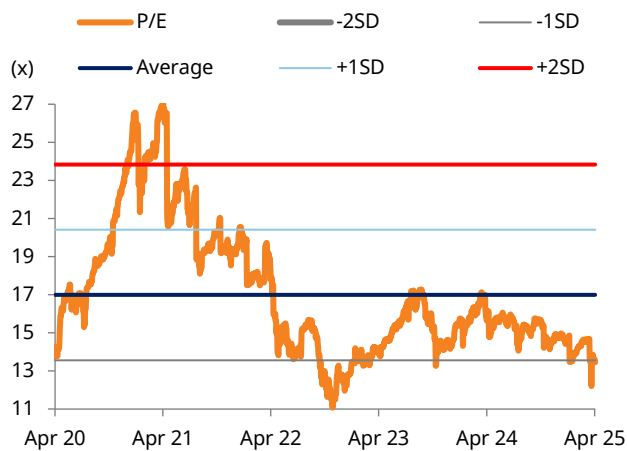
Năm 2025, Doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu đạt gần 931 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện 2024; trong khi lợi nhuận sau thuế phấn đấu bằng năm trước hơn 302 tỷ đồng. Trong đó, mảng cho thuê đất công nghiệp tiếp tục giữ vai trò chủ lực với doanh thu dự kiến hơn 748 tỷ đồng, lĩnh vực kinh doanh bất động sản dân dụng ước đạt 78 tỷ đồng, còn lại là các hoạt động kinh doanh khác.

Với kế hoạch này, SZC đã thực hiện được lần lượt 44% và 42% sau 3 tháng đầu năm. Công ty dự kiến chi đầu tư xây dựng cơ bản gần 438 tỷ đồng năm 2025. Trong đó, chi đầu tư 167 tỷ đồng để nâng cấp và phát triển hạ tầng khu công nghiệp (KCN). Với lĩnh vực bất động sản đô thị, SZC dành khoảng 271 tỷ đồng để tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư Sonadezi Hữu Phước.

*Nguồn: vietstock.vn*

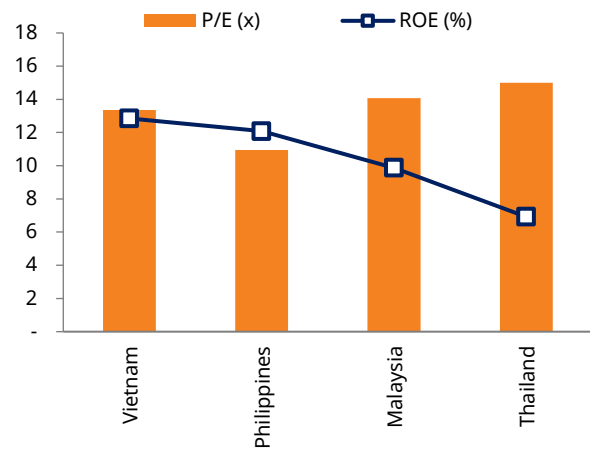
## Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index**



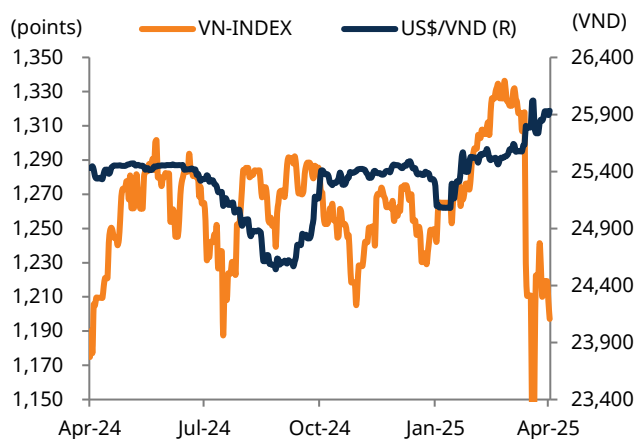
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường**



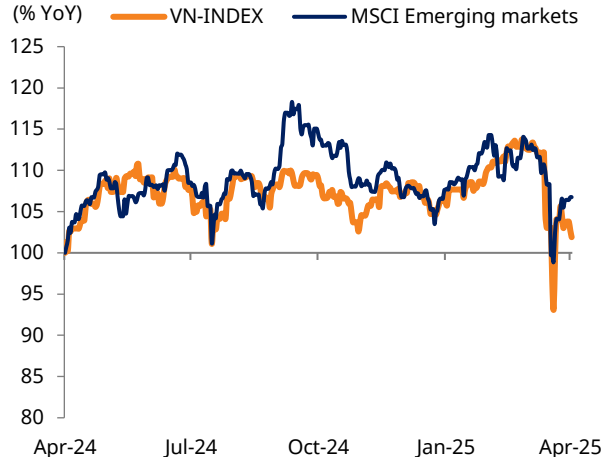
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND**



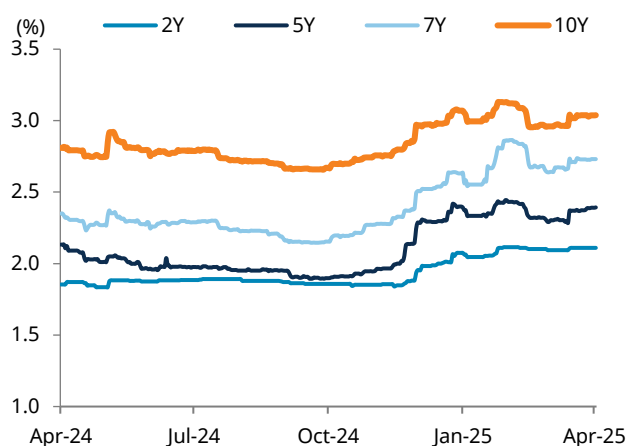
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets**



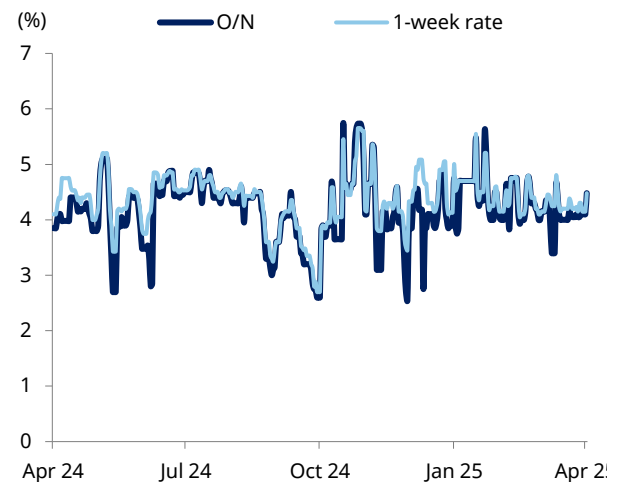
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

## Bảng chỉ số định giá chính của VN30

| Tên công ty                           | Mã     | Vốn hóa<br>(VNDbn) | Giá (VND)       |                 |                 | Biến động giá (%) |             |             |            | Định giá (TTM) <sup>1</sup> |            |             | Sở hữu     | Cổ tức     |                  |                  |                   |
|---------------------------------------|--------|--------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-------------|------------|-----------------------------|------------|-------------|------------|------------|------------------|------------------|-------------------|
|                                       |        |                    | Đóng cửa        | 52Wcao          | 52Wthấp         | 1D                | 1W          | 1M          | 1Y         | P/E                         | P/B        | ROE(%)      | Khối ngoại | EXdate     | DPS <sup>2</sup> | 12T <sup>3</sup> | FY24 <sup>4</sup> |
| <b>VN-Index</b>                       |        | <b>5,047,499</b>   | <b>1,197.13</b> | <b>1,342.91</b> | <b>1,073.61</b> | <b>-0.8</b>       | <b>-2.5</b> | <b>-9.4</b> | <b>0.6</b> | <b>13.4</b>                 | <b>1.6</b> | <b>12.8</b> |            |            |                  |                  |                   |
| <b>VN30 Index</b>                     |        | <b>3,569,686</b>   | <b>1,290.38</b> | <b>1,400.60</b> | <b>1,133.90</b> | <b>-0.3</b>       | <b>-1.6</b> | <b>-6.4</b> | <b>6.9</b> | <b>10.6</b>                 | <b>1.5</b> | <b>15.4</b> |            |            |                  |                  |                   |
| Asia Commercial JS Bank               | ACB VN | 107,646            | 24,100          | 26,800          | 20,750          | 0.0               | 0.0         | -7.7        | 3.4        | 6.4                         | 1.3        | 21.7        | 30.0       | 5/31/2024  | N/A              | 4                | 4                 |
| Bao Viet Holdings                     | BVH VN | 32,217             | 43,400          | 59,700          | 38,550          | -1.4              | -1.4        | -17.3       | 9.6        | 15.4                        | 1.4        | 9.5         | 26.6       | 11/19/2024 | 1,004            | 2                | 3                 |
| BECAMEX IDC Corp                      | BCM VN | 53,820             | 52,000          | 82,400          | 49,800          | -5.8              | -8.0        | -33.9       | -1.3       | 24.6                        | 2.7        | 11.5        | 2.0        | 11/4/2024  | N/A              | 2                | 2                 |
| BIDV                                  | BID VN | 246,450            | 35,100          | 42,727          | 31,200          | -0.4              | -3.8        | -11.0       | -15.2      | 9.6                         | 1.7        | 19.5        | 17.6       | 12/23/2021 | N/A              | N/A              | N/A               |
| FPT Corp                              | FPT VN | 162,406            | 110,400         | 156,000         | 94,696          | -1.2              | -4.8        | -13.8       | 15.1       | 20.6                        | 5.5        | 28.7        | 41.5       | 12/2/2024  | N/A              | 2                | 2                 |
| HDBank                                | HDB VN | 70,950             | 20,300          | 26,650          | 18,000          | -0.5              | -1.2        | -11.7       | 8.8        | 5.5                         | 1.3        | 25.8        | 16.9       | 7/12/2024  | N/A              | 4                | 3                 |
| Hoa Phat Group JSC                    | HPG VN | 160,226            | 25,050          | 29,950          | 21,300          | 0.4               | -3.1        | -7.7        | -1.6       | 13.3                        | 1.4        | 11.1        | 21.7       | 6/17/2022  | N/A              | N/A              | 2                 |
| Masan Group Corp                      | MSN VN | 84,431             | 58,700          | 82,300          | 50,300          | 1.0               | 0.3         | -13.5       | -12.3      | 43.5                        | 2.8        | 7.0         | 26.2       | 7/4/2022   | N/A              | N/A              | 2                 |
| MBBank                                | MBB VN | 140,962            | 23,100          | 25,000          | 18,870          | 0.7               | 0.4         | -4.9        | 17.5       | 6.2                         | 1.3        | 22.1        | 22.2       | 5/23/2024  | N/A              | 2                | 2                 |
| Mobile World Investment Corp          | MWG VN | 83,743             | 57,300          | 70,800          | 45,750          | 3.1               | 0.4         | -5.0        | 17.9       | 22.5                        | 3.0        | 14.6        | 47.0       | 6/28/2024  | N/A              | 1                | 1                 |
| PetroVietnam Gas JSC                  | GAS VN | 134,704            | 57,500          | 84,412          | 50,800          | -1.0              | -1.2        | -15.1       | -21.8      | 13.0                        | 2.2        | 16.7        | 1.7        | 9/13/2024  | N/A              | 10               | 7                 |
| PetroVietnam Power Corp               | LPB VN | 99,327             | 33,250          | 38,300          | 16,866          | 0.6               | 0.3         | -4.5        | 91.3       | 10.0                        | 2.2        | 24.2        | 0.8        | 2/1/2018   | N/A              | N/A              | N/A               |
| Sacombank                             | STB VN | 76,634             | 40,650          | 41,200          | 27,000          | 0.5               | 5.7         | 5.2         | 47.0       | 7.6                         | 1.4        | 20.0        | 21.0       | 11/29/2013 | N/A              | N/A              | N/A               |
| Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp | SAB VN | 59,767             | 46,600          | 69,400          | 41,500          | -1.1              | -4.3        | -7.4        | -12.4      | 13.9                        | 2.6        | 18.2        | 59.3       | 12/26/2024 | N/A              | 9                | 7                 |
| SeABank                               | SSB VN | 54,624             | 19,200          | 21,128          | 15,050          | 0.8               | 3.2         | -3.3        | -1.5       | 11.5                        | 1.6        | 14.5        | 0.1        | N/A        | N/A              | N/A              | N/A               |
| SH Bank                               | SHB VN | 53,661             | 13,200          | 13,350          | 9,054           | 0.0               | 10.9        | 12.3        | 30.2       | 5.7                         | 0.9        | 17.2        | 2.9        | 7/18/2024  | N/A              | 3                | N/A               |
| SSI Securities Corp                   | SSI VN | 43,652             | 22,250          | 30,053          | 20,600          | -2.8              | -4.5        | -16.4       | -21.2      | 14.7                        | 1.6        | 11.4        | N/A        | 9/23/2024  | N/A              | 4                | 6                 |
| Techcombank                           | TCB VN | 177,681            | 25,150          | 28,500          | 20,750          | -2.3              | -3.3        | -8.0        | 11.2       | 8.3                         | 1.2        | 15.6        | 22.5       | 5/21/2024  | N/A              | 3                | 3                 |
| Tien Phong Bank                       | TPB VN | 35,402             | 13,400          | 18,100          | 11,100          | -1.1              | 4.7         | -9.2        | -8.1       | 5.8                         | 0.9        | 17.3        | 23.6       | 6/20/2024  | N/A              | 3                | 6                 |
| Vietcombank                           | VCB VN | 488,807            | 58,500          | 68,600          | 52,000          | 0.5               | -2.5        | -11.4       | -3.5       | 14.4                        | 2.5        | 18.7        | 22.5       | 12/22/2021 | N/A              | N/A              | 1                 |
| VietinBank                            | CTG VN | 199,227            | 37,100          | 43,300          | 29,950          | -0.4              | -1.7        | -10.9       | 14.9       | 7.9                         | 1.4        | 18.6        | 26.8       | 12/14/2021 | N/A              | N/A              | 0                 |
| Vietjet Aviation JSC                  | VJC VN | 45,225             | 83,500          | 119,600         | 77,100          | -0.6              | 0.2         | -13.6       | -19.2      | 31.7                        | 2.7        | 8.9         | 12.6       | 4/23/2019  | 0                | N/A              | 0                 |
| Vietnam Dairy Products JSC            | VNM VN | 117,038            | 56,000          | 76,200          | 51,400          | -1.2              | -0.5        | -8.6        | -12.5      | 13.9                        | 3.6        | 26.3        | 49.2       | 12/26/2024 | 3,850            | 7                | 7                 |
| Vietnam International CJS Bank        | VIB VN | 52,135             | 17,500          | 21,400          | 16,300          | -0.8              | -5.1        | -13.8       | -3.4       | 7.3                         | 1.2        | 18.1        | 5.0        | 4/22/2025  | N/A              | 4                | 6                 |
| Vietnam National Petroleum Group      | PLX VN | 42,057             | 33,100          | 51,700          | 30,950          | -2.1              | -1.5        | -19.9       | -4.5       | 14.6                        | 1.6        | 11.1        | 17.8       | 5/14/2024  | N/A              | 5                | 5                 |
| Vietnam Rubber Group                  | GVR VN | 89,200             | 22,300          | 39,000          | 22,050          | -5.9              | -8.6        | -35.5       | -22.3      | 21.2                        | 1.7        | 8.2         | 0.7        | 11/14/2024 | 300              | 1                | N/A               |
| Vincom Retail JSC                     | VRE VN | 46,810             | 20,600          | 23,700          | 16,100          | 1.0               | 1.5         | 11.7        | -8.0       | 11.4                        | 1.1        | 10.3        | 19.6       | 5/17/2019  | N/A              | N/A              | 5                 |
| Vingroup JSC                          | VIC VN | 225,596            | 59,000          | 74,400          | 39,700          | -4.1              | -16.3       | 11.3        | 40.5       | 18.4                        | 1.6        | 9.5         | 9.5        | 8/6/2014   | N/A              | N/A              | N/A               |
| Vinhomes JSC                          | VHM VN | 236,176            | 57,500          | 60,500          | 34,000          | 4.5               | 0.0         | 19.2        | 38.7       | 7.8                         | 1.2        | 16.7        | 12.3       | 5/31/2024  | N/A              | N/A              | 1                 |
| VPBank                                | VPB VN | 131,703            | 16,600          | 21,050          | 15,150          | -0.6              | -1.8        | -14.9       | -9.3       | 8.3                         | 0.9        | 11.4        | 24.5       | 5/22/2024  | N/A              | 6                | 6                 |

Nguồn: MiraeAssetResearch, Bloomberg

Ghi chú: <sup>1</sup>Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg; <sup>2</sup>DPS: Tỷ lệ chi trả cổ tức; <sup>3</sup>Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong 12 tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu; <sup>4</sup>Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.